TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST Ngày 08-5-2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2 . Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 370/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Quí T, sinh năm: 1995 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 37/28 Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh năm: 1994 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 34/21 Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở hiện nay: Số 519/40 đường V, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh Lê Quí T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quí T và chị Nguyễn Ngọc Trâm A tự nguyện chung sống với nhau vào tháng 12-2020, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 03-3-2021. Sau khi, kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một người con chung, nhưng được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm ngày càng rạn nứt và mâu thuẫn về tài chính không đủ chi tiêu trong cuộc sống hàng ngày. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn, nhưng không được nên đã sống ly thân từ tháng 6-2022 cho đến bây giờ. Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thương yêu quý trọng nhau, không quan tâm chăm sóc yêu thương nhau. Vì vậy, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trâm A.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có một cháu trai tên là Lê Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 12-4-2021. Do cháu còn nhỏ và đang ở với mẹ nên sau khi ly hôn anh T yêu cầu giao cho chị Trâm A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và mình cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2023.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc Trâm A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh thì chị Trâm A có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 34/21 Ô4, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và hiện nay đang sống với gia đình tại: Số 519/40 đường V, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không ai cung thêm cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư

ký phiên tòa:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị Trâm A. Giao cháu Lê Nguyễn Phúc Điền cho chị Trâm A trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn và anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa chị Trâm A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và anh Trâm A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo anh T trong qúa trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn,

nhưng không giải quyết được. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Trâm A. Trong qúa trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng chị Trâm A vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không giải quyết được nên yêu cầu được ly hôn, trong khi đó chị Trâm A cố tình vắng mặt. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật, chị Trâm A không có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên anh T yêu cầu được ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Cháu Lê Nguyễn Phúc Đ đang còn nhỏ và đang ở với mẹ, anh T có nguyện vọng giao cho chị Trâm A trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quí T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và về cấp dưỡng" đối với chị Nguyễn Ngọc Trâm A.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quí T được ly hôn với chị Nguyễn Ngọc Trâm A.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Lê Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 12-4-2021 cho chị Nguyễn Ngọc Trâm A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và anh Lê Quí T phải cấp dưỡng 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 5 năm 2023.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Anh Lê Quí T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng. Tổng cộng phải nộp 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009255 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, buộc anh Lê Quí T phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

4. "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Tỉnh, huyện Long Điền (số 207 ngày 19-10-2018);
- Lưu hồ sơ vụ án….

Võ Hoàng Đức